

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HC-ST

Ngày 22-5-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải
phóng mặt bằng khi thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 07 năm 2019 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **05/2020/QĐXXST-HC** ngày **10** tháng **01** năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HC ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Đức C; ĐKKHTT: Đường Đại lộ T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Vũ Thị Mai P là luật sư của Công ty TNHH S thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường X, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đặng Văn C - Phó Chủ tịch UBND huyện V (văn bản ủy quyền số 649/UQ-UBND ngày 16/3/2019); vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Ngọc D- Trưởng Phòng TN-MT huyện V và bà Trần Thị C - Phó Giám đốc Trung tâm PTQĐ huyện V; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V (vợ ông T); địa chỉ: Thôn X, xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng ủy quyền cho ông Phạm Văn T đại diện tham gia tố tụng; **đều vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Người khởi kiện trình bày:*

Năm 1993 ông Phạm Văn T1 (em ruột của ông T) mua 01 lô đất từ UBND xã G với giá là 8.210.000 đồng/lô (1 lô là 6m chiều ngang, chiều sâu là từ mép đường 10 đến mương nước ở sau). Năm 1996 ông mua lại lô đất trên từ ông Phạm Văn T1 nhưng không còn giữ giấy tờ mua bán. Sau đó một thời gian ông T1 được UBND huyện cấp bìa đỏ, lúc đầu không kẻ vẽ mốc lưu không HLGT, sau đó chính quyền mượn lại bìa và kẻ lại mốc lưu không. Đến ngày 15/02/2013 ông mới hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên mình; đây là tài sản chung của ông và vợ là Nguyễn Thị V.

Năm 2000, dự án mở rộng QL 10 thu hồi của gia đình ông T1 một phần đất nhưng không nhớ diện tích cụ thể là bao nhiêu và được nhận tiền giá trị là 10.000 đồng/m².

Ngày 02/11/2016, gia đình ông nhận được Thông báo số 51/TB-TN&MT ngày 14/10/2016 của UBND huyện V và Dự thảo phương án BTHT khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng QL10, theo đó đất ở của hộ gia đình là đất công, không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ 30% phần giá trị tài sản trên đất.

Ngày 29/11/2016, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 3162/QĐ-UBND về việc phê duyệt PABTHT tại xã G; quyết định này không bồi thường về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Ngày 16/12/2016, UBND huyện ra Thông báo số 1133/TB-UBND yêu cầu các hộ tháo dỡ, di chuyển tài sản để nhà thầu thi công.

Sau khi ông cùng các hộ dân khởi kiện vụ án hành chính ra tòa, UBND huyện V đã ban hành các quyết định bổ sung bồi thường tiền đất cho gia đình ông là 29,1 m² trên thực tế là 54,3 m² đã bị thu hồi.

Người khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3288/QĐ-UBND ngày 29/11/2016; Quyết định thu hồi đất số 1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 54,3 m² đất nói trên.

- Yêu cầu bồi thường phần đất còn lại là 29,1 m² với đơn giá phù hợp thời điểm xét xử. Ngoài ra, ông T đề nghị thực hiện đúng Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND Hải Phòng, Quyết định 2680 ngày 12/3/2014 của UBND thành phố Hải Phòng và Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

- Buộc UBND huyện V bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất bằng 10% mức bồi thường khi thu hồi đất ở và 5% giá trị xây mới đối với tài sản trong HLG.T.

** Đại diện người bị kiện trình bày:*

Thửa đất số 214, tờ bản đồ số 6, bản đồ giải thửa xã G có nguồn gốc do UBND xã G giao trái thẩm quyền cho ông Phạm Văn T1 từ năm 1995, chiều ngang thửa đất là 6m, diện tích 200m², thu tiền 8.210.000 đồng.

UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSD đất do cho hộ ông Phạm Văn T1 ngày 26/02/2013, thuộc thửa đất số 214, tờ bản đồ số 6, chiều ngang giáp lưu không Quốc lộ 10 là 6m, diện tích 115,0m², vị trí thửa đất cách tim Quốc lộ 10 là 26,0m. Sau đó ông Phạm Văn T1 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10, UBND huyện V đã ban hành các quyết định thu hồi đất, tổng diện tích đất thu hồi tính từ mép nhựa QL10 năm 2015 đến chi giới GPMB năm 2015 là 54,3m², trong đó:

UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi đất số 3288/QĐ-UBND ngày 29/11/2016: thu hồi 38,1m² đất hành lang giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, do nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Xét thấy, một phần diện tích thu hồi thuộc đất xã giao trái thẩm quyền trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Sau khi kiểm tra, rà soát lại, UBND huyện đã phê duyệt điều chỉnh loại đất tại Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 3,4m²; Quyết định số 5744/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 25,7m².

Như vậy, diện tích thu hồi thực hiện Dự án đủ điều kiện được hỗ trợ theo Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố là 29,1m², đồng thời UBND huyện đã tính toán hỗ trợ bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho hộ gia đình. Việc mở đường đã tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội địa phương, là tăng khả năng sử dụng đất (hiện giá đất ở tại khu vực đã tăng gấp đôi so với năm 2015); các hộ gia đình bị thu hồi phần đất họ đang sử dụng nằm trong chỉ giới hành lang giao thông và đang sử dụng diện tích lớn hơn hạn mức giao đất tại địa phương nên không ảnh hưởng đến sinh hoạt.

Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

* *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có quan điểm:* Thửa đất số 214 được UBND xã giao sát mép nhựa, không phải đất giao trái thẩm quyền; theo qui định tại khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì người sử dụng đất phải được cấp Giấy CNQSD đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa (UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông T năm 2015 và năm 2000 thu hồi đất hộ ông T1 nhưng không bồi thường là trái pháp luật). Theo qui định tại Điều 11 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì kể cả đất giao trái thẩm quyền thì, hộ ông T cũng phải được bồi thường toàn bộ 54,3m² đất.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự có mặt từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay đều đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:*

+ Đối với việc khởi kiện buộc UBND huyện V bồi thường về thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 94 luật đất đai năm 2013 là vượt quá thẩm quyền của tòa hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu này.

+ UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T là phù hợp qui định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành theo các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Công văn 528/UBND-ĐC2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố Hải Phòng đồng ý hỗ trợ khác đối với phần diện tích đất bị thu hồi lần này có nguồn gốc do xã giao trái thẩm quyền, nằm trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ông T1 được giao 200 m² : 6 m chiều ngang = 33,3m.

Theo Biên bản của các ban ngành xã G ngày 10/01/2017 (lúc chưa giải phóng xong như năm 2015) thể hiện kết quả đo đạc kiểm tra thực tế từ mương phía sau đến mép nhựa hiện trạng đoạn nhà ông T (nằm giữa hộ ông Q và hộ ông H) có chiều dài 37,5m. Như vậy chỉ giới giao đất có thu tiền cách mép nhựa năm 2015 là $37,5 - 33,3 = 4,2\text{m}$, đây là khoảng cách nằm ngoài diện tích 200m^2 đất xã giao có thu tiền sẽ không được hỗ trợ theo Công văn 528. Khoảng cách 4,5m ông T khởi kiện đòi hỗ trợ theo công văn 528 nhưng thực tế UBND huyện chỉ không bồi thường 25.2m^2 tức là 4,2 m chiều sâu này.

UBND huyện V thu hồi đất tổng diện tích là $54,3\text{m}^2$: ngang 6 m = chiều sâu là 9,05m. Như vậy nếu trừ đi khoảng cách 4,2m nói trên còn 4,85m là khoảng cách từ chỉ giới giao đất có thu tiền đến chỉ giới thu hồi năm 2015 phải được hỗ trợ theo Công văn 528. Thực tế UBND huyện đã hỗ trợ về đất cho hộ ông T là $29,1\text{m}^2$ tương ứng với chiều sâu là 4,85 m là đúng. Ông T yêu cầu hỗ trợ thêm khoảng cách 4,5m chiều sâu đất là không có căn cứ.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật TTHC đề nghị HĐXX tuyên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326 của Quốc hội, ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HCST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn không thay đổi các quyết định hành chính bị khởi kiện. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 140 Luật Tổ tụng hành chính; Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] UBND huyện V đã ban hành quyết định thu hồi đất số **3288/QĐ-UBND ngày 29/11/2016** đối với $38,1\text{m}^2$ đất hành lang giao thông của hộ gia đình ông T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL 10. Ngày 17/3/2017 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý vụ án số 04/2017/TLST-HC theo yêu cầu khởi kiện của ông T và 26 hộ dân khác, đến ngày 10/7/2018 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có quyết định tách vụ án Hành chính số 2700/2019/QĐST-HC. Như vậy vụ án của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện, theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành

chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án hành chính số 64/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2019 là đúng thẩm quyền qui định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 thu hồi diện tích 3,4m²; Quyết định số 5744/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 thu hồi bổ sung diện tích 25,7 m² đất hộ ông T đang sử dụng. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, hộ ông T được hỗ trợ đối với 29,1 m² theo Công văn 528. Gia đình ông T đã nhận tiền nhưng yêu cầu phải được hỗ trợ đối với toàn bộ 54,3 m² đất bị thu hồi lần này. Do đó, Tòa án sẽ xem xét tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường có liên quan đến việc thu hồi 54,3 m² đất nói trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện V bồi thường về thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 94 luật đất đai năm 2013 là vượt quá thẩm quyền của tòa hành chính, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Người khởi kiện và có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa; người khởi kiện đã có văn bản ủy quyền cho ông Hoàng Đức Cường tham gia tố tụng; trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Vân Anh (ủy quyền cho ông Phạm Văn T) không có mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình tới Tòa án. Xét phiên tòa đã mở và hoãn nhiều lần; các người tham gia tố tụng đều đã được triệu tập hợp lệ; căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên. Đối với yêu cầu của phía người khởi kiện đề nghị triệu tập bổ sung UBND thành phố Hải Phòng, Ban quản lý dự án các công trình giao thông thành phố Hải Phòng và UBND xã G tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không phù hợp qui định tại khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[4] Theo qui định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai, UBND cấp huyện có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân. Do đó, UBND huyện V ban hành Quyết định thu hồi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Thông là phù hợp qui định của pháp luật. Về trình tự thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, kiểm kê tài sản và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối, thực hiện lấy ý kiến và niêm yết công khai tại địa phương đều đúng theo qui định tại các Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai 2013 và người khởi kiện cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các thủ tục trên.

[5] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận: Năm 1993, gia đình Phạm Văn T1 được UBND xã giao đất làm nhà ở tại phía Tây Quốc lộ 10, chiều ngang

phía Quốc lộ 10 là 6 m, chiều sâu thửa đất giống các hộ liền kề để làm nhà ở, thu tiền 8.210.000 đồng. Ngày 26/02/2013, UBND huyện V đã cấp GCNQSD đất đứng tên ông Phạm Văn T1, thửa đất số 214, diện tích sử dụng 115 m², tờ bản đồ số 6 xã G (vị trí: *Đông giáp lưu không QL10 6 m, tây giáp nương rộng 6 m, Bắc giáp hộ ông Lương Văn Quang 19m, Nam giáp hộ Phạm Văn Lịm 19 m*). Đến năm 2015, ông T1 chuyển nhượng thửa đất số 214 cho ông Phạm Văn T và được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất đứng tên ông T diện tích sử dụng 115 m² như trên. UBND huyện V đã ban hành các Quyết định số 3288/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, Quyết định số 1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và Quyết định số 5744/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 để thu hồi đất 54,3 m² đất; các Quyết định số 3162/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 29/3/2017, Quyết định số 6125/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 và Quyết định số 5742/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 phê duyệt phương án bồi thường; theo đó hộ ông T được nhận hỗ trợ về đất đối với 29,1 m² = 300.312.000 đồng. Đối với việc đền bù, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc trên đất đã thỏa đáng, người khởi kiện không khởi kiện Căn cứ khoản 2 Điều 79 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung trên là sự thật.

[6] Ông T cho rằng, UBND huyện V đã thu hồi vào phần diện tích gia đình ông đã mua lại từ ông Phạm Văn T1 đã được UBND xã G giao từ năm 1993 có nộp tiền. Theo giấy CNQSD đất được cấp, UBND huyện V công nhận quyền sử dụng đất và trừ hàng lang bảo vệ là phù hợp với quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện cho rằng UBND huyện không cung cấp được biên bản cắm mốc giới nên việc ghi HLGT trong Giấy CNQSD đất là trái pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 203/HĐBT ban hành cách đây đã gần 40 năm; được chính quyền địa phương thực hiện và người dân chấp hành thông qua việc cấp, nhận Giấy CNQSD đất. Quan điểm của người khởi kiện cho rằng được UBND xã giao đất sát mép nhựa, không trái thẩm quyền; theo qui định tại khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì ông T phải được cấp Giấy CNQSD đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa là không phù hợp qui định của pháp luật, bởi lẽ: *đất nằm trong chỉ giới HLGT, không được cấp giấy CNQSD đất.*

[7] Theo cung cấp của UBND huyện V, xã G không lưu giữ được tài liệu, sổ sách quản lý việc giao đất năm 1993-1998 tại khu vực này; các hồ sơ cấp giấy CNQSD đất giai đoạn này cũng không còn. Khi tiến hành giải phóng mặt bằng, UBND huyện phải căn cứ vào các báo cáo của UBND xã năm 1998 và năm 2017 (trước khi thu hồi đất); cũng kết luận thanh tra của UBND huyện V đối với xã G năm 1998.

Theo Biên bản họp xác định nguồn gốc đất của xã G lập ngày 20/12/2016; thửa đất số 214, tờ bản đồ số 6 có nguồn gốc UBND xã G giao cho gia đình ông

T1 năm 1995, thu tiền 8.210.000 đồng; theo bảng giá đất qui định tại Quyết định số 685/QĐ-UB ngày 01/8/1994 của UBND thành phố Hải Phòng là: $40.000 \text{ đồng} \times 200 \text{ m}^2 = 8.000.000 \text{ đồng} + 210.000 \text{ đồng}$ tiền thủ tục giao đất; phù hợp với lời khai của ông T về số tiền đã nộp. Như vậy, lời khai của phía người bị kiện cho rằng năm 1995, hộ ông T1 được giao 200 m^2 đất là có cơ sở ($200 \text{ m}^2 : 6 \text{ m ngang} = 33,3 \text{ m chiều sâu}$).

Tại Công văn 528, UBND thành phố Hải Phòng căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; đồng ý hỗ trợ khác cho 28 hộ dân có đất bị thu hồi, nguồn gốc đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 nằm trong hành lang giao thông đã thực hiện nghĩa vụ tài chính; bằng mức giá bồi thường khi thu hồi đất. Mặc dù danh sách người dân được hỗ trợ theo Công văn 528 có 28 người, nhưng UBND huyện V cũng áp dụng chính sách hỗ trợ tương tự cho các hộ dân khác có đất được giao trái thẩm quyền từ năm 1993-1998 bị thu hồi nhằm là “đảm bảo công bằng”; phù hợp với qui định tại điểm 2 khoản 1 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Theo Biên bản của xã G ngày 10/01/2017 (lúc chưa giải phóng xong) thể hiện kết quả đo đạc kiểm tra thực tế từ mương phía sau đến mép nhựa hiện trạng đoạn nhà ông T (nằm giữa hộ ông Quỳnh và hộ ông Hoãn) có chiều dài 37,5m. Như vậy chỉ giới giao đất có thu tiền cách mép nhựa năm 2015 là $37,5 \text{ m} - 33,3 \text{ m} = 4,2 \text{ m}$, đây là khoảng cách nằm ngoài diện tích 200 m^2 xã giao có thu tiền sẽ không được hỗ trợ theo Công văn 528.

Khoảng cách 4,5m ông T khởi kiện đòi hỗ trợ theo công văn 528 nhưng UBND huyện V thu hồi $54,3 \text{ m}^2$: ngang 6m = chiều sâu 9,05m. Như vậy nếu trừ đi khoảng cách 4,2m nói trên còn 4,85m (là khoảng cách từ chỉ giới giao đất có thu tiền đến chỉ giới thu hồi năm 2015 phải được hỗ trợ theo Công văn 528); ông T đã nhận hỗ trợ $29,1 \text{ m}^2$ tương ứng với chiều sâu là 4,85 m là đã bảo đảm quyền lợi.

[8] Mặt khác, ông T chỉ nhận chuyển nhượng và được xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp đối với 115 m^2 theo Giấy CNQSD đất được cấp năm 2015. Nhưng căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ lập ngày 24/12/2019, diện tích đất còn lại của hộ ông T hiện đang sử dụng sau khi thu hồi là 200 m^2 (*Đông giáp QL10 6,03m, Tây giáp rãnh nước 6,05 m, Nam giáp đất ông Lịm 33,23 m, Bắc giáp đất ông Quang 33,69 m*). Như vậy, sau 2 lần bị thu hồi đất và đã được nhận tiền hỗ trợ, bồi thường, ông T vẫn đang sử dụng diện tích đất bằng đúng diện tích được giao năm 1995 là 200 m^2 . Ông T cho rằng thửa đất của ông T1 trước đây được cấp bìa đỏ đến sát mép đường; năm 2000 bị thu hồi đất nhưng không nhận được bồi thường đúng qui định, nhưng ngoài lời khai của mình, người khởi kiện không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Việc thu hồi đất

năm 2000, các hộ dân không khiếu kiện đến nay cũng đã hết thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Từ những phân tích tại mục [4] đến [8], Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện đề nghị được bồi thường thêm về đất khi thu hồi đối với diện tích 25,2 m² đất nêu trên. Đối với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện viện dẫn khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Điều 11 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ cho rằng T phải được cấp Giấy CNQSD đất theo hiện trạng đến sát mép nhựa hoặc phải được bồi thường toàn bộ **54,3m² đất là không đúng với trường hợp này**. Đối với việc quản lý đất đai lỏng lẻo tại địa phương để người dân lấn chiếm đất công tràn lan trong thời gian rất dài chưa được chấn chỉnh kịp thời; dẫn đến không có số liệu để đối chiếu, khảo sát. Trách nhiệm thuộc về chính quyền cơ sở, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số liệu xét xử các vụ án tương tự trên địa bàn để tập hợp xem xét, trao đổi với Viện kiểm sát kiến nghị xử lý sau.

[10] Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định thu hồi đất số 3288/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định thu hồi đất số 1663/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND huyện V; cùng các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường liên quan đến việc thu hồi 54,3m² đất ông T đang sử dụng tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 6 xã G.

2. Bác yêu cầu bồi thường đòi bồi thường phần đất còn lại là 29,1 m² với đơn giá tại thời điểm xét xử.

- *Về án phí sơ thẩm:* Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, số tiền này ông T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001691 ngày 25/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh